

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22/01/2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình “*Chia tài sản sau khi ly hôn*” thụ lý số: 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị D; sinh ngày 27/09/1986

Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Bị đơn*: Anh Đặng Xuân L; sinh ngày 31/07/1978

Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, Hà Tĩnh II. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, tỉnh Hà Tĩnh.

* Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thu H; chức vụ: Phó Giám đốc

2. Phòng G. Địa chỉ: Đường G, thôn Đ, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

* Người đại diện theo ủy quyền: Trần Viết C; chức vụ: Phó Giám đốc

3. Quỹ tín dụng nhân dân Kỳ A. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường S, tỉnh Hà Tĩnh.

* Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H1; chức vụ: Phó Giám đốc

4. Chi hội người cao tuổi thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

* Người đại diện: Ông Nguyễn Tiến X - Chi hội trưởng

5. Chi hội phụ nữ thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh. Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

* Người đại diện: Bà Đào Thị T - Chi hội trưởng

6. Ông Trần Văn H2, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Thôn Thanh Hoà, xã Kỳ Khang, tỉnh Hà Tĩnh

7. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Sông Trí, tỉnh Hà Tĩnh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn chị Trần Thị D, bị đơn anh Đặng Xuân L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, Hà Tĩnh II; Phòng G; Quỹ tín dụng nhân dân Kỳ A; Chi hội người cao tuổi thôn H; Chi hội phụ nữ thôn H; ông Trần Văn H2 và ông Nguyễn Hữu T1, đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận cụ thể như sau:

2.1. Giao cho chị Trần Thị D được sở hữu, sử dụng và định đoạt thửa đất số 531, tờ bản đồ số 13, diện tích 324,2m², địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL519381, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp ngày 31/03/2023, mang tên Đặng Xuân L và Trần Thị D. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Đặng Quang L1 dài 25,15m; Phía Nam giáp đường giao thông dài 11,42m; Phía Tây giáp đất giao cho anh Đặng Xuân L dài 40,64m; Phía Đông giáp đường giao thông dài 27,44m. Trên thửa đất có 01 nhà bếp xây bằng gạch táp lô, có áo trát, mái lợp ngói bia rô.

* Chị Trần Thị D có trách nhiệm trả các khoản nợ chung trước đây của vợ chồng gồm: Trả cho Q tín dụng nhân dân Kỳ A số tiền tính đến ngày 22/01/2026 với tổng số tiền là 245.751.000đ (trong đó số tiền gốc là 210.000.000 đồng, tiền lãi 35.751.000 đồng) và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ cho quỹ tín dụng; Trả cho ông Trần Văn H2 số tiền tính đến ngày 22/01/2026 là 125.000.000 đồng; Trả cho ông Nguyễn Hữu T1 số tiền tính đến ngày 22/01/2026 là 20.000.000 đồng.

2.2. Anh Đặng Xuân L được sở hữu, sử dụng và định đoạt thửa đất số 490,

tờ bản đồ số 02, diện tích 377m², địa chỉ thôn H, xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL899173, do UBND thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12/11/2012 mang tên Đặng Xuân L và Trần Thị D. Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Đặng Quang L1 dài 14m; Phía Nam giáp đất sản xuất nông nghiệp của bà Đào Thị K dài 21m; Phía Tây giáp đất và nhà ông L2 dài 24m; Phía Đông giáp phần đất giao cho chị Trần Thị D dài 28m. Trên thửa đất xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, ba gian, lợp ngói đỏ và các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, tổng diện tích 100m².

* Anh Đặng Xuân L có trách nhiệm trả các khoản nợ chung trước đây của vợ chồng gồm: Trả cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện K, tỉnh Hà Tĩnh II số tiền tính đến ngày 22/01/2026 tổng cộng là 224.414.022đ (Trong đó tiền gốc là 199.986.284 đồng, tiền lãi là 24.427.738 đồng) và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng; Trả cho Phòng G 02 khoản vay tính đến ngày 22/01/2026 tổng số tiền là 123.711.000đ (Trong đó, chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, tính đến ngày 22/01/2026 còn nợ số tiền gốc 20.000.000 đồng và số tiền lãi là 2.278.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số: 6600000728919773, ngày vay 13/07/2024; Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm số tiền gốc 95.000.000 đồng và tiền lãi là 6.433.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số: 6600000730281999, ngày vay 13/02/2025) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ; Trả cho Chi hội người cao tuổi thôn H đến ngày 22/01/2026 với tổng số tiền là 63.000.000đ (Trong đó tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 13.000.000đ) và không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh; Trả cho Chi hội phụ nữ thôn H đến ngày 22/01/2026 với tổng số tiền là 26.000.000đ (Trong đó tiền gốc là 20.000.000đ tiền lãi 6.000.000đ) và không yêu cầu trả tiền lãi phát sinh.

2.3. Về án phí: Chị Trần Thị D tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số 0000490 ngày 07/11/2025. Trả lại cho chị Trần Thị D 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV2 - HT;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Dương sự;
- Lưu HS, VT.

Trần Thanh Hương